TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2018/KDTM-ST
Ngày: 21 - 11 - 2018
V/v: "T/c Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn
Bà Phạm Thị Bích Loan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2018; về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 505/2018/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 419/2018/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Đỗ Thành T

Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - Hội sở kiêm Phó Tổng Giám đốc AMC (Văn bản ủy quyền số: 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị); địa chỉ liên hệ: Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Minh Đ

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ.

Bà Nguyễn Thị T

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ.

(Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N; địa chỉ: Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – chức danh Tổng Giám đốc, *(vắng mặt)*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2018, bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Đỗ Thành Tr, ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị T trình bày: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N (sau đây gọi tắt là Công Ty) có sự bảo lãnh của ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, đã giao dịch với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) các hợp đồng sau: Hợp đồng tín dụng số: SME/Q11/0012/HDHM-BI và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q11/17/0012/HDBL ngày 14 tháng 3 năm 2017, qua các lần giải ngân theo khế ước nhận nợ, Công ty đã nhận số tiền gốc là 1.525.000.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn mở thẻ tín dụng đi kèm Hợp đồng bảo lãnh SME/Q11/17/0001/HDBL-THE ngày 16 tháng 5 năm 2017 để vay tiền, dư nợ thẻ đến ngày 21/11/2018 là 87.235.025 đồng.

Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ trong quá trình sử dụng vốn vay, Ngân hàng nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty để yêu cầu trả nợ, nhưng Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả nợ tính đến ngày 21/11/2018 như sau: Tổng số tiền nợ: 1.375.871.692 đồng, trong đó bao gồm: Nợ lãi gốc là 957.482.314 đồng; nợ lãi trong hạn là 220.934.987 đồng; nợ lãi quá hạn là 110.219.367 đồng; nợ thẻ là 87.235.025 đồng, trả một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Công ty phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định theo Hợp đồng tín dụng số: SME/Q11/0012/HDHM-BI ngày 14/3/2017, kể từ ngày 22/11/2018 đối với số nợ theo Hợp đồng này cho đến khi trả hết nợ. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền 87.235.025 đồng nợ thẻ theo quy định về lãi suất chậm trả của Bộ luật dân sự năm 2015, kể từ ngày nguyên đơn có đơn thi hành án.

Trường hợp Công ty không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, thì ông C, ông T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ và lãi suất phát sinh từ các khoản nợ nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tới Tòa án tham gia tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án không có được sự trình bày của các đương sự này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[3] Ngày 14/3/2017 và ngày 16/5/2017, Công ty có giao kết hợp đồng tín dụng và mở thẻ tín dụng với Ngân hàng để vay tiền, do đó có cơ sở xác định giữa Công ty và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản như quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do Công ty không trả tiền theo quy định của hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty có trụ sở tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tới Tòa án, nhưng các đương sự này không tới tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có cung cấp Phiếu cung cấp thông tin đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư -Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 10/7/2018 đã xác định Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N có trụ sở chính: Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đến nay chưa giải thể. Tòa

án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tới tham gia phiên tòa mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Về nội dung:

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng, mở thẻ tín dụng và còn nợ như đã trình bày ở trên. Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả nợ tính đến ngày 21/11/2018 là tổng số tiền nợ: 1.375.871.692 đồng, trong đó bao gồm: Nợ lãi gốc là 957.482.314 đồng; nợ lãi trong hạn là 220.934.987 đồng; nợ lãi quá hạn là 110.219.367 đồng; nợ thẻ là 87.235.025 đồng, trả một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, Công ty phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định Hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2017, kể từ ngày 22/11/2018 đối với số nợ theo Hợp đồng này cho đến khi trả hết nợ và nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền 87.235.025 đồng nợ thẻ theo quy định về lãi suất chậm trả của Bộ luật dân sự năm 2015, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu Công ty không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, thì ông C, ông T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ và lãi suất phát sinh từ các khoản nợ nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[7] Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, ... thì áp dụng theo quy định của Luật này*", theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Do vậy, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ quy định tại các Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 339, Điều 340, Điều 342 thì Hợp đồng bảo lãnh do các bên đã giao kết có hiệu lực pháp luật, nên các bên phải thực hiện.

[8] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử thống nhất:

[9] Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả một lần toàn bộ số nợ tính đến ngày 21 tháng 11 năm 2018 như sau: Tổng số tiền nợ: 1.375.871.692 đồng, trong đó bao gồm: Nợ lãi gốc là 957.482.314 đồng; nợ lãi trong hạn là 220.934.987 đồng; nợ lãi quá hạn là 110.219.367 đồng; nợ thẻ là 87.235.025 đồng, trả một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Ngoài ra, Công ty phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số: SME/Q11/0012/HDHM-BI ngày 14/3/2017, kể từ ngày 22/11/2018 đối với số nợ theo Hợp đồng này cho đến khi trả hết nợ và lãi chậm trả đối với số tiền 87.235.025 đồng nợ thẻ theo quy định về lãi suất chậm trả của Bộ luật dân sự năm 2015, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

[11] Trường hợp Công ty không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, thì ông C, ông T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ và lãi suất phát sinh từ các khoản nợ nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí về tranh chấp kinh doanh thương mại là: 36.000.000 đ + (1.375.871.692 đ – 800.000.000) đ x 3% = 53.276.151 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 23.971.890 đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0029670 ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp cho Ngân hàng TMCP V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 339, Điều 340, Điều 342 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ tính đến ngày 21 tháng 11 năm 2018 cho Ngân hàng TMCP Việt N từ Hợp đồng tín dụng số: SME/Q11/0012/HDHM-BI ngày 14 tháng 3 năm 2017 và Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 16 tháng 5 năm 2017, bao gồm các khoản như sau: Tổng số tiền nợ: 1.375.871.692 đ (một tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn sáu trăm chín mươi hai đồng), trong đó bao gồm: Nợ lãi gốc là 957.482.314 đồng; nợ lãi trong hạn là 220.934.987 đồng; nợ lãi quá hạn là 110.219.367 đồng; nợ thẻ là 87.235.025 đồng, trả một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định theo Hợp đồng tín dụng số: SME/Q11/0012/HDHM-BI ngày 14 tháng 3 năm 2017, kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2018 đối với số nợ theo Hợp đồng này cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ khi Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N chưa trả số tiền 87.235.025 đồng nợ thẻ thì hàng tháng Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N không thanh toán nợ và lãi suất phát sinh theo yêu cầu nêu trên, thì ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán toàn bộ nợ và lãi suất phát sinh từ các khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q11/17/0012/HDBL ngày 14 tháng 3 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh SME/Q11/17/0001/HDBL-THE ngày 16 tháng 5 năm 2017.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N phải chịu án phí sơ thẩm là 53.276.151 đ (năm mươi ba triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm năm mươi mốt đồng), nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 23.971.890 đ (hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn tám trăm chín mươi đồng) mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0029670 ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp cho Ngân hàng TMCP V.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đã đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn